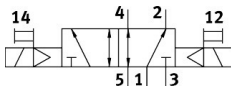
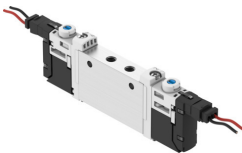


# Van điện từ

## VUVG-L10-B52-T-M7-1H2L-W1

Số bộ phận: 577332

FESTO



### Bảng dữ liệu

| Đặc tính                                                   | Giá trị                               |
|------------------------------------------------------------|---------------------------------------|
| Chức năng van                                              | 5/2 lưỡng ổn định                     |
| Kiểu vận hành                                              | điện                                  |
| Kích thước van                                             | 10 mm                                 |
| Lưu lượng danh nghĩa bình thường (chuẩn hóa theo DIN 1343) | 340 l/ph...380 l/ph                   |
| Cổng nối làm việc bằng khí nén                             | M7                                    |
| Điện áp vận hành                                           | 24V DC                                |
| Áp suất vận hành                                           | 0.15 MPA...0.8 MPA<br>1.5 bar...8 bar |
| Cấu trúc xây dựng                                          | thanh trượt pít tông                  |
| Giấy phép                                                  | Dấu RCM<br>c UL us - Recognized (OL)  |
| Mức độ bảo vệ                                              | IP40<br>có ổ cắm                      |
| Chiều rộng định mức                                        | 4 mm                                  |
| Chức năng khí xả                                           | có thể điều tiết                      |
| Nguyên lý bít                                              | mềm                                   |
| Vị trí lắp đặt                                             | bất kỳ                                |
| Nút ghi đè                                                 | khớp<br>quét<br>bị che                |
| Kiểu điều khiển                                            | điều khiển trước                      |
| kiểm soát cung cấp không khí                               | trong                                 |
| Xếp chồng                                                  | gối chống dương                       |
| Áp suất điều khiển                                         | 0.15 MPA...0.8 MPA<br>1.5 bar...8 bar |
| Phù hợp với chân không                                     | không                                 |
| Thời gian chuyển đổi lúc                                   | 8 ms                                  |
| Thời gian bật                                              | 100%                                  |
| Xung thử nghiệm dương tính tối đa với tín hiệu 0           | 700 μs                                |
| Xung thử nghiệm âm tối đa với 1 tín hiệu                   | 900 μs                                |
| Giá trị đặc trưng cuộn dây                                 | 24 V DC: 1,0 W                        |
| Dao động điện áp cho phép                                  | +/- 10 %                              |
| Môi chất vận hành                                          | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]  |

| Đặc tính                                   | Giá trị                                                                              |
|--------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển      | Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo)                        |
| Khả năng chống rung                        | Kiểm tra bộ gá vận chuyển với mức độ nghiêm trọng 2 theo FN 942017-4 và EN 60068-2-6 |
| Giới hạn nhiệt độ môi trường và môi trường | -5 - 50 °C<br>mà không giảm dòng điện hãm                                            |
| chống sốc                                  | Kiểm tra va đập với mức độ nghiêm trọng 2 theo FN 942017-5 và EN 60068-2-27          |
| Lớp chống ăn mòn KBK                       | 2 - bị ăn mòn vừa phải                                                               |
| Tuân thủ LABS                              | VDMA24364-B1/B2-L                                                                    |
| Loại phòng sạch                            | Loại 5 theo ISO 14644-1                                                              |
| Nhiệt độ trung bình                        | -5 °C...60 °C                                                                        |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh             | -5 °C...60 °C                                                                        |
| trọng lượng sản phẩm                       | 55 g                                                                                 |
| Cổng nối điện                              | thông qua tấm kết nối điện                                                           |
| Kiểu gắn                                   | Trên ray gắn van cụm<br>với lỗ xuyên<br>tùy ý:                                       |
| Cổng nối khí nén 1                         | M7                                                                                   |
| Cổng nối khí nén 2                         | M7                                                                                   |
| Cổng nối khí nén 3                         | M7                                                                                   |
| Cổng nối khí nén 4                         | M7                                                                                   |
| Cổng nối khí nén 5                         | M7                                                                                   |
| Ghi chú vật liệu                           | Tuân thủ RoHS                                                                        |
| Vật liệu của phốt                          | HNBR<br>NBR                                                                          |
| Vật liệu vỏ                                | Hợp kim nhôm rèn                                                                     |